TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 226/2024/DS-PT
Ngày 23/7/2024
" V/v: Yêu cầu tuyên bố di chúc và văn bản công chứng vô hiệu"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Huờn.
Các Thẩm phán: Ông Trần Duy Tuấn, ông Vũ Văn Tú.
- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Anh - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa, ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 111/2024/TLPT-DS, ngày 10 tháng 4 năm 2024 về việc: "*Yêu cầu tuyên bố di chúc và văn bản công chứng vô hiệu"*. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2024/DS-ST ngày 06/02/2024 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 173/2024/QĐPT-DS ngày 10/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 207a/2024/QĐ-PT ngày 03/7/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Mai H, sinh năm 1994.
Địa chỉ: Số 199 đường T, tổ dân phố 3, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đặng Thanh Q - Có mặt (theo văn bản ủy quyền ngày 05/01/2024).
Địa chỉ: A.DV01 Khu nhà ở xã hội, đường T1, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Bà Vũ Thị N, sinh năm 1956 và ông Vũ Minh K, sinh năm 1970.
Địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng T - Có mặt (theo văn bản ủy quyền ngày 06/11/2023)
Địa chỉ: Số 132 đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
1.Văn phòng công chứng Phạm Đình T1.
Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Đình T1 - Vắng mặt
Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
2.Ủy ban nhân dân phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Hải H - Chức vụ: Công chức tư pháp, hộ tịch Ủy ban nhân dân phường K - Vắng mặt (theo văn bản ủy quyền ngày 10/11/2023)
Địa chỉ: Số 178 đường P, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người kháng cáo: Bị đơn là bà Vũ Thị N và ông Vũ Minh K

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/6/2023, đơn bổ sung đơn khởi kiện ngày 04/7/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Vũ Thị Mai H trình bày: Bà là con của bà

Vũ Thị N1 (đã chết ngày 31/01/2023). Bà N1 không có chồng, cha mẹ của bà N1 đều đã chết từ lâu; Quyền sử dụng đất, đối với thửa đất số 64 và thửa đất số 01, tờ bản đồ số 110, tại phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, là tài sản của bà Vũ Thị N1; Khi còn sống, bà N1 hứa sẽ để lại toàn bộ tài sản nêu trên, cho bà được thừa kế, khi bà N1 chết. Tuy nhiên, sau khi bà N1 chết, ông Vũ Minh K và bà Vũ Thị N là cháu bà N1, xuất trình bản di chúc của bà N1 lập ngày 26/6/2012, được UBND phường K, thành phố B công chứng ngày 29/9/2012, với nội dung: Bà N1 để toàn bộ tài sản của mình là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, đối với 02 thửa đất nêu trên cho ông K và bà N được thừa kế; Ngày 14/6/2023, ông K và bà N đến Văn phòng công chứng Phạm Đình T, tại tổ dân phố 1, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế tho di chúc của bà N1, đối với 02 thửa đất nêu trên; Bà xét thấy bản di chúc của bà N1, được UBND phường K, thành phố B công chứng ngày 29/9/2012, là không hợp pháp. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên bố bản di chúc của bà Vũ Thị N1, được UBND phường K, thành phố B, chứng thực ngày 29/6/2012 là vô hiệu; Tuyên bố Văn bản thỏa thuận phân chia đi sản thừa kế theo di chúc, được công chứng số 3214, quyển số 06/2023 TP/CC-SCC/HĐGD, do Văn phòng công chứng Phạm Đình T công chứng ngày 14/6/2023 là vô hiệu; Buộc ông K và bà N, phải trả lại cho bà bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 513053, do UBND thành phố B cấp cho hộ bà Vũ Thị N1, vào ngày 14/7/2008, đối với thửa đất số 64, tờ bản đồ số 110 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 513343, do UBND thành phố B cấp cho hộ bà Vũ Thị N1, vào ngày 05/5/2008, đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 110.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, bị đơn là bà Vũ Thị N và ông Vũ Minh K trình bày: Bà Vũ Thị N1 là cô ruột của ông, bà; Bà N1 không có chồng; bà Vũ Thị Mai H là con nuôi của bà N1; Năm 2008, bà N1 đã tặng cho bà H quyền sử dụng đất, đối với thửa đất số 63, tờ bản đồ số 110, tại phường Khánh Xuân, thành phố B; Năm 2012, bà N1 lập di chúc để lại tài sản là quyền sử dụng đất, đối với thửa đất số 01 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 110, tại phường K, thành phố B, cho ông và bà để xây dựng nhà thờ tự, thờ cúng tổ tiên; Việc bà N1 lập di chúc để lại tài sản là quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất nêu trên, được UBND phường K chứng thực, là hoàn toàn hợp pháp, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân phường K trình bày: Ngày 29/6/2012, tại UBND phường K, thành phố B, UBND phường K chứng thực bản di chúc do bà Vũ Thị N1 lập, là đúng theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Văn phòng công chứng Phạm Ngọc T: Mặc dù đã được Toa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2024/DS-ST ngày 06/02/2024, của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, đã quyết định: Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 3 điều 652 Bộ luật dân sự 2005; Các Điều 609, 612, 616, 623, 645, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 8, Điều 10, Điều 11, Điều 14, Điều 59, Điều 60 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực; Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Mai H.

1.Tuyên bố bản Di chúc có số chứng thực 08, quyển số I/2012 TP/CC-SCT/DCTC lập ngày 29/06/2012 của bà Vũ Thị N1, được Ủy ban nhân dân phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk chứng thực là vô hiệu.

2.Tuyên bố Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế công chứng số 3214, quyển số 06/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/6/2023 do Văn phòng công chứng Phạm Đình T, địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk chứng nhận là vô hiệu.

3.Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Buộc bà Vũ Thị N và ông Vũ Minh K trả lại cho bà Vũ Thị Mai H bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 513053 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 14/7/2007 (hiện nay được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DM 144258 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 21/8/2023) và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 513343 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 05/05/2008 (hiện nay được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DM 144290 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 22/8/2023), tên người sử dụng đất: Bà Vũ Thị N (Là người đại diện của những người cùng thừa kế quyền sử dụng đất gồm: Ông Vũ Minh K).

Bà Vũ Thị Mai H có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, để làm các thủ tục đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/02/2024, bị đơn là ông Vũ Minh K và bà Vũ Thị N, có đơn kháng cáo cho rằng: Bà Vũ Thị Mai H không phải con bà Vũ Thị N1 nên không có quyền yêu cầu di chúc của bà N1 để lại và văn bản thỏa thuận chia di sản thừa kế là vô hiệu, Văn bản di chúc và văn bản thỏa thuận chia di sản thừa kế được thực hiện đúng quy định của pháp luật tại UBND phường K và Văn phòng công chứng Phạm Đình T, do đó đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án, đến khi mở phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Vũ Minh K và bà Vũ Thị N, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét thấy: Bản Di chúc có số chứng thực 08; quyển số I/2012 TP/CC-SCT/DCTC, do bà Vũ Thị N1 lập ngày 26/06/2012 được UBND phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk chứng thực ngày 29/6/2012 là không hợp pháp. Bởi lẽ, nội dung bản di chúc thể hiện, bà N1 bị hạn chế về sức khỏe, nên không thể viết được di chúc và nhờ người khác đánh máy di chúc nhưng bản di chúc không có người làm chứng, là vi phạm khoản 3 Điều 652 BLDS năm 2005 và Điều 8, khoản 2 Điều 11 Nghị định số:75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực; Bản di chúc gồm có 03 trang: Trang đầu là nội dung định đoạt tài sản của bà N1, trang thứ 02 là giấy trắng, trang thứ 03 là lời cam đoan của người lập di chúc và người lập di chúc điểm chỉ; trang đầu và trang thứ 02 của bản di chúc, không có điểm chỉ của người lập di chúc, là vi phạm Điều 59 Nghị định số:75/2000/NĐ-CP ; Hơn nữa, thời điểm bà N1 lập di chúc là 26/6/2012 nhưng UBND phường K chứng thực bản di chúc

ngày 29/6/2012, là vi phạm Điều 10 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử, bản di chúc do bà N1 lập ngày 26/6/2012, được UBND phường K, thành phố B chứng thực ngày 29/6/2012, vô hiệu là có căn cứ. Do Bản di chúc không hợp pháp, nên không có cơ sở để ông K và bà N, thực hiện phân chia di sản thừa kế đối với di sản bà Vũ Thị N1 để lại. Vì vậy, Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế công chứng số 3214, quyển số 06/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/6/2023 của Văn phòng công chứng Phạm Đình T cũng bị vô hiệu. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không tự hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết. Xét đơn kháng cáo của bị đơn còn trong hạn luật định, nên hợp lệ.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, đối với thửa đất số 01 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 110, tại phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, là tài sản của bà Vũ Thị N1; Thửa đất số 64, được UBND thành phố B, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 513053, cho hộ bà N1 vào ngày 14/7/2008; Thửa đất số 01, được UBND thành phố B, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 513343, cho hộ bà N1 vào ngày 05/5/2008; Ngày 31/01/2023, bà N1 chết và để lại tài sản là quyền sử dụng đất, đối với 02 thửa đất nêu trên.

Sau khi bà N1 chết, ông Vũ Minh K và bà Vũ Thị N, sử dụng bản di chúc được lập ngày 26/6/2012, được UBND phường K, thành phố B, chứng thực ngày 29/6/2012, với nội dung: Bà N1 lập di chúc, để lại tài sản của mình, là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, đối với 02 thửa đất nêu trên, cho người được hưởng di sản là ông Vũ Minh K và bà Vũ Thị N; Ngày 14/6/2023, ông K và bà N, đến Văn phòng công chứng Phạm Đình T, công chứng Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế theo di chúc về quyền sử dụng đất, đối với 02 thửa đất nêu trên.

Xét tính hợp pháp bản di chúc bà Vũ Thị N1 lập ngày 26/6/2012, được UBND phường K chứng thực ngày 29/6/2012, Hội đồng xét xử xét thấy: Bản di chúc do bà N1 nhờ người khác đánh máy vi tính với lý do vì sức khỏe của bà N1 bị hạn chế, không thể tự viết bản di chúc; Bản di chúc được lập tại số nhà 81, tổ dân phố 3, phường K, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk, trước sự chứng kiến của người liên quan và chính quyền địa phương nhưng không có người liên quan và đại diện chính quyền địa phương, là ai ký vào bản di chúc.

Bản di chúc được đánh máy trên 02 tờ giấy A4, gồm có 03 trang: Trang đầu chứa đựng nội dung thông tin về thời gian, địa điểm lập di chúc, người lập di chúc, người được hưởng di sản theo di chúc và nội dung bà N1 để lại tài sản của mình, là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, đối với 02 thửa đất nêu trên, cho người được hưởng di sản là bà Vũ Thị N và ông Vũ Minh K, là cháu bà N1; Trang thứ hai là giấy trắng; trang thứ 03 là lời cam đoan của người lập di chúc và người lập di chúc điểm chỉ; Ủy

ban nhân dân phường K chứng thực bản di chúc vào ngày 29/6/2012, được thực hiện trên 01 tờ giấy A4 riêng.

Căn cứ vào nội dung bản di chúc, thì tại thời điểm bà N1 lập di chúc, bà N1 bị hạn chế về thể chất và không biết chữ nhưng bản di chúc không được người làm chứng lập thành văn bản, là vi phạm khoản 3 Điều 652 BLDS năm 2005 và Điều 8 Nghị định số:75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ; Bản di chúc không phải do bà N1 viết nhưng không có 02 hai người làm chứng, là vi phạm Điều 656 BLDS năm 2005; Bản di chúc gồm có 03 trang nhưng trang 01 và trang 02 không có chữ ký hoặc điểm chỉ của người lập di chúc, là vi phạm khoản 2 Điều 653 BLDS năm 2005; Việc UBND phường K, chứng thực bản di chúc vào ngày 29/6/2012, được thực hiện trên 01 giấy A4 riêng, nên không có căn cứ để xác định tại thời điểm công chứng, mà N1 có mặt tại UBND phường K và yêu cầu công chứng di chúc, là vi phạm Điều 658 BLDS năm 2005 và Điều 11 Nghị định số:75/2000/NĐ-CP. Vì vậy, Tòa án cấp tuyên xử bản di chúc do bà Vũ Thị N1 lập ngày 26/6/2012, được UBND phường K chứng thực ngày 29/6/2012, vô hiệu là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật.

Ngày 14/6/2023, Văn phòng công chứng Phạm Đình T, căn cứ vào bản di chúc do bà Vũ Thị N1 lập ngày 26/6/2012, được UBND phường K chứng thực ngày 29/6/2012, không đủ các điều kiện được quy định tại Điều 652 BLDS năm 2005, để công chứng Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế theo di chúc, đối với quyền sử dụng đất, thửa đất số 01 và thửa đất số 64, là trái với quy định của pháp luật. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử, Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế theo di chúc, được Văn phòng công chứng Phạm Đình T, công chứng ngày 24/6/2023 vô hiệu, là có căn cứ; Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn là bà Vũ Thị N và ông Vũ Văn K, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu: Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Vũ Thị N và ông Vũ Minh K, trả lại cho bà Vũ Thị Mai H bản gốc giấy chứng quyền sử dụng đất, được UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp cho bà Vũ Thị N1, đối với thửa đất số 01 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 110 (năm 2023 đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đăk Lăk, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, cho bà Vũ Thị N là người đại diện của những người cùng thừa kế quyền sử dụng đất gồm: Vũ Minh K, đối với thửa đất số 01 và thửa đất số 64) là không có căn cứ. Bởi lẽ, khoản 2 Điều 131 BLDS năm 2015 quy đinh: Khi giao dịch dân sự vô hiệu, thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử Di chúc và Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế theo di chúc, đối với thửa đất số 01 và thửa đất số 64, vô hiệu, thì quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, đối với 02 thửa đất nêu trên, được khôi phục lại tình trạng ban đầu, thuộc quyền sỡ hữu của bà Vũ Thị N1 và được thừa kế theo pháp luật.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, các bên đương sự đều thừa nhận bà Vũ Thị Mai H không giao cho bà N và ông K, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND thành phố B, đã cấp cho bà Vũ Thị N1, đối với thửa đất số 01 và thửa đất số 64, nên không thể buộc ông K và bà N trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho bà H; Hơn nữa, 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này, đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk thu hồi và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N, đối với thửa đất số 01 và thửa đất số 64, nên ông K và bà N không còn 02 giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất này, để trả cho bà Hoa. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông K, bà N, sửa bản án sơ thẩm về giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu và tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi của bà Vũ Thị Mai H về việc: Buộc bà Vũ Thị N và ông Vũ Minh K, phải trả lại cho bà H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 513053, do UBND thành phố B cấp cho hộ bà N1 vào ngày 14/7/2008 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 513343, do UBND thành phố B cấp cho hộ bà N1 vào ngày 05/5/2008, đối với thửa đất số 64 và thửa đất số 01, tờ bản đồ số 110.

Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm, nên bà N và ông K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn là bà Vũ Thị N và ông Vũ Minh K; Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2024/DS-ST ngày 06/02/2024, của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ: khoản 3 Điều 652, Điều 656 và Điều 658 Bộ luật dân sự 2005; Điều 8, Điều 11 Nghị định số: 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực; Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Mai H.

1. Tuyên bố bản Di chúc do bà Vũ Thị N1 lập ngày 26/6/2012, được Ủy ban nhân dân phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk chứng thực ngày 29/6/2012 theo số chứng thực 08, quyển số: I/2012 TP/CC- SCT/DCTC và Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế theo di chúc, được công chứng số 3214, quyển số 06/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/6/2023 tại Văn phòng công chứng Phạm Đình T, là vô hiệu.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Mai H về việc: Buộc bà Vũ Thị N và ông Vũ Minh K, phải trả lại cho bà Hoa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 513053, do UBND thành phố B cấp cho hộ bà Vũ Thị N1 ngày 14/7/2008 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 513343, do UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp cho hộ bà Vũ Thị N1 ngày 05/5/2008, đối với thửa đất số 64 và thửa đất số 01, tờ bản đồ số 110 (đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đăk Lăk, cấp đổi cho bà Vũ Thị N bằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DM 144290, ngày 22/8/2023 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DM 144258, ngày 21/8/2023 đối với thửa đất số 01 và thửa đất số 64, tờ bản đồ số 110)

Kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk, thu hồi và hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DM 144290, ngày 22/8/2023 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DM 144258, ngày 21/8/2023, do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đăk Lăk, cấp đổi cho bà Vũ Thị N.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Vũ Minh K và bà Vũ Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho ông K 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp

tại biên lai số: AA/2023/0005379 ngày 23/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Huờn

***Nơi nhận**:*
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- Viện KSND tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS TP.BMT;
- TAND TP.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.